

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - HÀ NỘI**

Số: **07/2026/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 248/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” giữa;

Nguyên đơn: Ông Bùi Quốc T, sinh năm 1973;

Bị đơn: Bà Lê Thị Phương Th, sinh năm 2079;

HKTT đều: Thôn B V Ng, xã Ph L, thành phố Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Th T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn N V Ng, xã Ph L, thành phố Hà Nội;

2. Ông Bùi Minh T, sinh năm 1971;

3. Ông Bùi Minh T, sinh năm 1975;

4. Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn B V Ng, xã Ph L, thành phố Hà Nội;

5. Bà Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn Tr N L, xã Ph Th, thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Bùi Quốc T và bà Lê Thị Phương Th.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về con chung: có 03 con chung là Bùi Lê A, sinh ngày 07/01/2005, Bùi Lê N, sinh ngày 03/12/2013 và Bùi Đức Tr, sinh ngày 20/5/2018. Cháu Bùi Lê A hiện đã trưởng thành, không bị khuyết điểm gì về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Giao cho ông Bùi Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Lê N và Bùi Đức Tr đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu và Tòa án có quyết định khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Lê Thị Phương Th đến khi có yêu cầu và Tòa án có quyết định khác.

Bà Lê Thị Phương Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2. Về tài sản chung, công sức đóng góp chung:

Đối với 01 nhà 03 tầng, bê tông công thép mái lợp ngói, xây gạch chỉ, tường xây gạch 20, xây dựng năm 2017, diện tích xây dựng 229,75m² (03 tầng nhà) tại thửa đất số 276, tờ bản đồ số 05, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 634m² tại địa chỉ thôn B V Ng, xã Ph L, thành phố Hà Nội là tài sản chung của vợ chồng, trị giá 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Giao ông Bùi Quốc T quyền sở hữu ngôi nhà trên, ông T có nghĩa vụ Th toán cho bà Lê Thị Phương Th số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng phần công sức đóng góp đối với ngôi nhà của bà Th.

Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 276, tờ bản đồ số 05, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 634m², tại địa chỉ thôn B V Ng, xã Ph L, thành phố Hà Nội là tài sản chung của bà Bùi Thị Th Tuyết, ông Bùi Minh Tuyên, ông Bùi

Quốc T, ông Bùi Minh T; ông Bùi Xuân T; bà Bùi Thị Tuyết M, bà Lê Thị Phương Th không có quyền sở hữu trong quyền sử dụng đất trên.

Đối với tài sản chung, công sức chung khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ = 75.000 đồng. Ông T và bà Th mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Quốc T chịu toàn bộ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 3.300.000 đồng (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông T đã nộp tại các biên lai ký hiệu: BLTU/25E số 0010455 ngày 07 tháng 10 năm 2025, số: 0016123 ngày 12/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông T còn phải nộp thêm 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- Viện KSND KV 9 – Hà Nội;
- Phòng THADS KV9- Hà Nội;
- UBND phường Ph T, tỉnh V L (ĐKKH số: 37, quyển số 01, ngày 31/5/2002 tại UBND xã H Đ, huyện Ch Th, tỉnh B Tr);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thu Hương